

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình  
ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đỗ Minh Huyền

***Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Chau Khon Sốc;
2. Ông Chau Sơn Khánh;

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “ *Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 300, ấp Ninh Lợi, xã An Tức, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);
2. Bị đơn: Chị Néang M, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ 10, ấp Ninh Hòa, xã An Tức, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);
3. Người phiên dịch: Ông Chau Pho Ly – Chức vụ: Giáo viên Trường trung cấp nghề Dân Tộc nội trú tỉnh An Giang (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án, anh Trần Thanh T trình bày: Vào tháng 9 năm 2021 anh và chị M quen biết nhau do tự tìm hiểu, sau đó chúng tôi tiến đến hôn nhân làm tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau vào ngày 29/3/2022 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh về sống chung bên nhà vợ. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng chỉ được một tháng đầu, đến một tháng sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi nên cuộc sống

chung không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn anh T yêu cầu được ly hôn chị M.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Gồm có 01 lượng vàng 24 kara trị giá 55.000.000 đồng, một đàn heo có 10 con tổng trị giá khoảng 18.000.000 đồng, số tiền cầm tay cho bên vợ là 20.000.000 đồng. Anh T yêu cầu chia đôi tài sản và xin nhận lại 01 lượng vàng. Nhưng anh T đã thừa nhận 01 lượng vàng vợ chồng đã sử dụng 04 chỉ vàng để mua tivi và bếp gas chỉ còn lại 06 chỉ vàng, đối với một đàn heo thì vợ chồng lúc đầu mua giá là 15.000.000 đồng (trong đó tiền cầm tay bên vợ cho 12.000.000 đồng còn bên chồng cho 3.000.000 đồng) nhưng nuôi đến nay thì giá trị đàn heo lên giá trị khoảng 18.000.000 đồng. Nên anh yêu cầu chia đôi hai phần tài sản chung này. Đối với số tiền 20.000.000 đồng tiền cầm tay cho bên vợ để cưới thì anh xin không yêu cầu giải quyết. Anh T đồng ý thỏa thuận với chị M là chị M giao 05 chỉ vàng cho anh và anh sẽ giao lại một đàn heo có 10 con cho chị M quản lý sử dụng và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Néang M thống nhất theo lời trình bày của anh Trần Thanh T về thời gian chung sống, về nguyên nhân ly hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh T yêu cầu được ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Riêng về tài sản chung: Chị thừa nhận tài sản chung có 01 lượng vàng 24 kara đã sử dụng chỉ còn lại 06 chỉ vàng nhưng chị không thống nhất đối với số tiền mua heo, chị thừa nhận vợ chồng đã mua với số tiền 15.000.000 đồng ( trong đó bên vợ cho 12.000.000 đồng, bên chồng cho 3.000.000 đồng) nên giá trị đàn heo không phải là 18.000.000 đồng mà chị chỉ đồng ý trả lại 3.000.000 đồng cho anh T. Vì thời gian vợ chồng nuôi heo chung chỉ được một tháng còn thời gian còn lại thì chị tự nuôi heo nên chị không đồng ý chia đôi. Đối với phần tiền cho bên vợ 20.000.000 đồng thì đã sử dụng hết nên không chấp nhận chia đôi. Nay chị đồng ý thỏa thuận theo ý kiến của anh T là chị giao 05 chỉ vàng cho anh T và anh T đồng ý giao một đàn heo gồm có 10 con lại cho chị quản lý và sử dụng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án Tòa án không tiến hành hoà giải do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án ra chỉ ra thông báo hòa giải về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến. Hai bên đều thừa nhận đã thực hiện xong việc giao nhận theo thỏa thuận nên anh T xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Trần Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Néang M có địa chỉ tại tổ 10, ấp Ninh Hòa, xã An Tức, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

*Về hôn nhân:* Anh T và chị M đồng đều thống nhất quen biết nhau do tự tìm hiểu, sau đó có tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 29/3/2022, nhưng không đăng ký kết hôn. Hai bên thừa nhận có mâu thuẫn trong quá trình chung sống do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh, nay anh T yêu cầu ly hôn chị M, chị M cũng đồng ý ly hôn.

Theo qui định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình thì “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”.

Xét, anh T và chị M chung sống vào ngày 29/3/2022, anh chị có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị M không được chấp nhận mà tuyên bố không công nhận anh T và chị M là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Không có nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Gồm có 06 chỉ vàng 24 kara và một đàn heo có 10 con nhưng tại phiên tòa anh T xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung do đã tự thỏa thuận và thực hiện xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của anh T là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 70, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của anh T đối với chị M.

[5] *Về nợ chung:* Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Anh T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch. Chị M không phải chịu án phí hôn nhân

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung nên Anh T được hoàn lại án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 4 Điều 70, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên bố không công nhận anh Trần Thanh T và chị Néang M là vợ chồng.

Về con chung: Không có nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Trần Thanh T đối với chị Néang M.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền

tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008438 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Chị Néang M không phải chịu án phí hôn nhân.

Anh Trần Thanh T được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp: 400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008439 ngày 15/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Minh Huyền**